

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số: 126/KH-UBND ngày 31/3/2025 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/3/2025 (trẻ đi học và chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường của năm học 2024 -2025					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2025-2026					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
		Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi (2022)	Số HS 4 tuổi (2021)	Số HS 5 tuổi (2020)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2023)	MG 3 tuổi (2022)	MG 4 tuổi (2021)	MG 5 tuổi (2020	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2023)	Số HS vào MG 3 tuổi (2022)	Số HS vào MG 4 tuổi (2021)	Số HS vào MG 5 tuổi (2020)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I. Công lập		5.311	6.199	8.124	9.136	26.618	12	755	3.170	4.612	8.549	1.077	2.576	1.490	772	5.915	
1	MN Đại Kim	474	256	505	705	1.940	0	0	175	266	441	0	210	80	24	314	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 23 (Khu đô thị Đại Kim), 24, 25, 26, 27, 28 (Tòa Bitexco), 29, 30, 31, 32, 33, 34, 39 (Tòa Beasky), Chung cư X2-CT1, Chung cư X2-CT2, Chung cư X2-CT3 phường Đại Kim
2	MN Hoa Sữa	374	254	459	523	1.610	0	0	240	300	540	70	210	75	65	420	Tổ 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 35, 36, 37, 38 phường Đại Kim
3	MN Linh Đàm					0	0	40	74	96	210	95	50	45	25	215	Không phân tuyển
4	MN Định Công	447	687	792	1.090	3.016	0	0	201	352	553	0	210	100	72	382	Phường Định Công
5	MN Bình Minh	60	50	138	60	308	0	18	41	54	113	30	22	9	6	67	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 phường Giáp Bát
6	MN Giáp Bát	60	98	117	120	395	0	50	89	110	249	60	40	16	12	128	Tổ 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 phường Giáp Bát
7	MN Hoàng Liệt	459	844	856	1.158	3.317	0	0	0	240	240	60	240	240	132	672	Tổ 6, 7A, 7B, 8, 9, 10, 11A, 11B, 42, 12, 14, 15, 16A, 16B, 17A, 17B, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 32, 33, 34 tòa nhà Phương Đông, Rose Towe, Athena Complex phường Hoàng Liệt
8	MN Họa Mi	409	372	654	683	2.118	0	39	281	250	570	0	119	129	42	290	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 28, 29, 30, 31, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41 phường Hoàng Liệt
9	MN Tuổi Thơ	100	174	248	265	787	0	40	172	236	448	32	121	54	25	232	Tổ 12,17,21,22,25,26,27,28, 29, 32,33 phường Hoàng Văn Thụ
10	MN Hoàng V. Thụ	103	169	251	255	778	0	0	113	121	234	0	119	58	30	207	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23, 24, 30, 31 phường Hoàng Văn Thụ
11	MN Linh Nam	396	334	608	722	2.060	0	70	167	232	469	100	190	133	73	496	Phường Linh Nam
12	MN Mai Động	344	372	517	578	1.811	0	62	168	210	440	60	80	45	25	210	Phường Mai Động

TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/3/2025 (trẻ đi học và chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường của năm học 2024 -2025					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2025-2026					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
		Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi (2022)	Số HS 4 tuổi (2021)	Số HS 5 tuổi (2020)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2023)	MG 3 tuổi (2022)	MG 4 tuổi (2021)	MG 5 tuổi (2020)	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2023)	Số HS vào MG 3 tuổi (2022)	Số HS vào MG 4 tuổi (2021)	Số HS vào MG 5 tuổi (2020)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
13	MN Tân Mai	68	105	139	170	482	0	30	98	150	278	35	75	41	20	171	Tổ 4, 5, 6, 7, 9, 10, 20 phường Tân Mai
14	MN Hoa Hồng	68	92	120	130	410	0	30	70	105	205	50	30	10	6	96	Tổ 1, 2, 3, 18, 19, 22 phường Tân Mai
15	MN Hoa Mai	79	175	185	197	636	0	70	110	147	327	81	50	44	13	188	Tổ 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21 phường Tân Mai
16	MN 10.10	178	157	150	200	685	0	65	135	190	390	58	55	15	10	138	Tổ 4 đến tổ 12 phường Tương Mai
17	MN Tương Mai	168	214	264	229	875	0	51	177	214	442	60	89	30	15	194	Từ tổ 1, 2 3, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 phường Tương Mai
18	MN Thanh Trì	175	158	147	159	639	0	60	95	115	270	60	50	25	5	140	Tổ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 17 phường Thanh Trì
19	MN Sơn Ca	194	218	231	229		0	90	199	205	494	96	85	29	8	218	Tổ 1, 9, 10, 11,12, 13, 14, 15, 16 phường Thanh Trì
20	MN Thịnh Liệt	200	250	380	450		0	0	145	245	390	90	140	65	35	330	Phường Thịnh Liệt
21	MN Trần Phú	250	461	469	119	1.299	12	40	102	182	336	40	46	60	20	166	Phường Trần Phú
22	MN Vĩnh Hưng	320	442	431	497	1.690	0	0	80	226	306	0	135	145	75	355	Phường Vĩnh Hưng
23	MN Yên Sở	385	317	463	597	1.762	0	0	238	366	604	0	210	42	34	286	Phường Yên Sở
II. Ngoài công lập		0	0	0	0	0	345	759	1.002	1.095	3.201	710	399	285	250	1.644	
	MN Thăng Long						0	34	43	40	117	-	-	-	-	0	Không phân tuyển
1	MN Trăng Sáng Đại Kim						6	12	25	25	68	30	10	3	5	48	Không phân tuyển
2	MN Thám Tử Nhí Conan						30	24	17	17	88	10	20	5	5	40	Không phân tuyển
3	MN STEAMe Hoàng Mai 2						18	39	46	43	146	22	11	4	7	44	Không phân tuyển
4	MN Dwight Hà Nội						0	0	2	5	7	0	10	10	16	36	Không phân tuyển
5	MN Hương Giang						8	18	19	24	69	23	22	6	5	56	Không phân tuyển
6	MN Sasuke Định Công						0	15	30	55	100	18	10	25	5	58	Không phân tuyển
7	MN Ngôi Sao						8	14	16	15	53	15	6	4	5	30	Không phân tuyển
8	MN Bạch Dương						16	30	44	69	159	16	18	16	10	60	Không phân tuyển
9	MN Hà Nội Bé Hạnh Phúc						9	11	10	18	48	26	0	20	12	58	Không phân tuyển
10	MN MAY						21	66	68	67	222	80	9	7	8	104	Không phân tuyển
11	MN Lãnh Đạo Tài Năng						25	22	37	60	144	35	20	13	12	80	Không phân tuyển

TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn tính đến 20/3/2025 (trẻ đi học và chưa đi học)					Số HS hiện có trong trường của năm học 2024 -2025					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2025-2026					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
		Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi (2022)	Số HS 4 tuổi (2021)	Số HS 5 tuổi (2020)	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ (2023)	MG 3 tuổi (2022)	MG 4 tuổi (2021)	MG 5 tuổi (2020)	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ (2023)	Số HS vào MG 3 tuổi (2022)	Số HS vào MG 4 tuổi (2021)	Số HS vào MG 5 tuổi (2020)	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
12	MN Hoa Hường Dương						12	28	42	51	133	13	34	18	54	119	Không phân tuyển
13	MN Hoa Ban						10	25	45	50	130	35	20	15	10	80	Không phân tuyển
14	MN IQ Linh Đàm						0	45	44	26	115	5	4	6	5	20	Không phân tuyển
15	MN Trảng An Linh Đàm						25	35	41	46	147	15	10	15	10	50	Không phân tuyển
16	MN Trăng Sáng						0	36	42	44	122	40	6	2	12	60	Không phân tuyển
17	MN Học Viện Anhxtanh						6	38	43	48	135	35	6	7	7	55	Không phân tuyển
18	MN Sao Ánh Dương						15	14	20	13	62	15	16	10	7	48	Không phân tuyển
19	MN Sao Ánh Dương H Mai						18	27	35	44	124	29	13	5	0	47	Không phân tuyển
20	MN Ngôi Nhà Thần Tiên						6	14	43	41	104	20	10	14	2	46	Không phân tuyển
21	MN Hoa Anh Đào						42	66	75	63	246	68	24	9	3	104	Không phân tuyển
22	MN Giấc Mơ Trè Thơ						0	25	25	43	93	25	0	7	4	36	Không phân tuyển
23	MN Tân Thời Đại						10	18	19	13	60	37	7	6	7	57	Không phân tuyển
24	MN Vườn.X.Nam Đô						46	53	111	96	306	70	67	11	20	168	Không phân tuyển
25	MN Ước Mơ Nhỏ						12	41	42	40	135	20	20	10	5	55	Không phân tuyển
26	MN Hoa Thủy Tiên						0	0	15	25	40	0	20	30	5	55	Không phân tuyển
27	MN IQ Thông Minh						2	9	3	14	28	8	6	7	9	30	Không phân tuyển
Tổng		5.311	6.199	8.124	9.136	26.618	357	1.514	4.172	5.707	11.750	1.787	2.975	1.775	1.022	7.559	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 126/KH-UBND ngày 31/3/2025 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Tên trường Tiểu học	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
			Số lớp	Số HS	
1	2	3	4	5	6
I. Công lập		9.399	179	7.661	
1	TH Định Công	1.234	10	420	Phường Định Công
2	TH Giáp Bát	288	7	288	Phường Giáp Bát
3	TH Tân Định	523	10	420	Phường Tương Mai
4	TH Tân Mai	580	13	530	Phường Tân Mai
5	TH Mai Động	726	8	320	Phường Mai Động
6	TH Thịnh Liệt	562	11	450	Phường Thịnh Liệt
7	TH Đền Lừ	280	7	280	Tổ 12, 17, 21, 22, 25, 26, 27, 28, 29, 32, 33 phường Hoàng Văn Thụ
8	TH Hoàng Văn Thụ	140	4	140	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23, 24, 30, 31 phường Hoàng Văn Thụ.
9	TH Đại Kim	363	9	363	Tổ 14, 15, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 35, 36, 37, 38, 39 phường Đại Kim
10	TH Đại Từ	553	9	425	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 32, 33, 34 Chung cư X2 - CT1, 2, 3 phường Đại Kim
12	TH Chu Văn An	625	13	625	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 21, 22, 25, 26, 27, 31, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, khu đất nhà ở PT1, PT2 Tây Nam Linh Đàm (tổ 4) phường Hoàng Liệt
13	TH Hoàng Liệt	461	10	461	Tổ 9, 10, 12, 14, 15, 16A, 16B, 17A, 17B, 23, 24, 28, 29, 30 phường Hoàng Liệt
14	TH Linh Đàm	594	12	594	Tổ 6; 7A; 7B; 8; 11A; 11B; 18; 19; 20; 32; 33; 34; 42, Phương Đông (Green park - tổ 18); Rose Town (Tổ 7A) phường Hoàng Liệt
17	TH Hoàng Mai	-	5	175	Không phân tuyển
18	TH Yên Sở	456	10	456	Phường Yên Sở
19	TH Vĩnh Hưng	623	12	490	Phường Vĩnh Hưng
21	TH Thanh Trì	586	10	469	Phường Thanh Trì

TT	Tên trường Tiểu học	<i>Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn</i>	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
			<i>Số lớp</i>	<i>Số HS</i>	
1	2	3	4	5	6
22	TH Lĩnh Nam	440	9	390	Từ tổ 01 đến tổ 19 phường Lĩnh Nam
24	TH Thúy Lĩnh	185	5	185	Từ tổ 20 đến tổ 27 phường Lĩnh Nam
25	TH Trần Phú	180	5	180	Phường Trần Phú
II. Ngoài công lập		0	31	960	
1	TH Bạch Dương	0	6	176	Không phân tuyển
2	TH Dwight Hà Nội	0	2	48	Không phân tuyển
3	Cấp Tiểu học thuộc trường TH&THCS May	0	8	256	Không phân tuyển
4	Cấp Tiểu học thuộc trường TH, THCS&THPT Ngôi Sao Hà Nội - HM	0	15	480	Không phân tuyển
Tổng toàn Quận		9.399	210	8.621	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: 126/KH-UBND ngày 31/3/2025 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Tên trường THCS	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
			Số lớp	Số HS	
2	3	4	5	6	7
I. Công lập		9.947	159	6.967	
1	THCS Đại Kim	1.351	16	720	Phường Đại Kim
2	THCS Định Công	1.030	9	400	Phường Định Công
3	THCS Giáp Bát	352	5	185	Phường Giáp Bát
4	THCS Hoàng Liệt	830	13	585	Tổ 6, 7A, 7B, 9, 10, 12, 14, 15, 16A, 16B, 18, 19, 20, 23, 24, 28, 29, 30, 35, 36, 37, dự án Phương Đông, dự án Rose Town, dự án Athena Complex phường Hoàng Liệt
5	THCS Linh Đàm	769	15	675	Tổ 1 (có khu đất dịch vụ Bằng A), 2, 3, 4 (có khu nhà ở PT1, PT2 Tây Nam Linh Đàm), 5, 8, 11A, 11B, 17A, 17B, 21, 22, 25, 26, 27, 31, 32, 33, 34, 38, 39, 40, 41, 42 phường Hoàng Liệt
6	THCS Đền Lừ	262	5	215	Tổ 12, 17, 21, 22, 25, 26, 27, 28, 29, 32, 33 phường Hoàng Văn Thụ
7	THCS Hoàng Văn Thụ	195	4	130	Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 23, 24, 30, 31 phường Hoàng Văn Thụ
8	THCS Lĩnh Nam	929	12	540	Phường Lĩnh Nam
9	THCS Mai Động	360	8	360	Phường Mai Động
10	THCS Tân Định	568	12	540	Phường Tương Mai
11	THCS Tân Mai	628	14	628	Phường Tân Mai
12	THCS Thanh Trì	529	8	348	Phường Thanh Trì
13	THCS Thịnh Liệt	780	7	306	Phường Thịnh Liệt
14	THCS Trần Phú	257	4	180	Phường Trần Phú
15	THCS Vĩnh Hưng	521	11	495	Phường Vĩnh Hưng
16	THCS Hoàng Mai	0	6	240	Không phân tuyển
17	THCS Yên Sở	586	10	420	Phường Yên Sở

TT	Tên trường THCS	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực phường
			Số lớp	Số HS	
2	3	4	5	6	7
II. Ngoài công lập		0	20	654	
1	Cấp THCS thuộc trường THCS và THPT Dwight Hà Nội	0	2	48	Không phân tuyển
2	Cấp THCS thuộc trường TH&THCS MAY	0	3	96	Không phân tuyển
3	Cấp THCS thuộc trường TH, THCS và THPT Ngôi Sao Hà Nội - Hoàng Mai	0	15	510	Không phân tuyển
Tổng toàn Quận		9.947	179	7.621	